



Vietnam Auditing  
and Valuation  
Company Limited

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Thành viên Hãng kiểm toán MGI Quốc tế  
**mgiworldwide**

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

---

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2020

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale  
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	10
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ	11
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 32

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

**Hội đồng quản trị**

- Ông Cao Hoài Thanh	Chủ tịch	
- Bà Nguyễn Phương Hạnh	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 29/04/2020)
- Ông Phạm Thanh Tùng	Thành viên	(Bỏ nhiệm ngày 29/04/2020)
- Ông Đoàn Ngọc Hoàn	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2020)
- Bà Phạm Minh Ngọc	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2020)
- Ông Nguyễn Đức Tài	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 29/04/2020)

**Ban Tổng Giám đốc**

- Ông Cao Hoài Thanh	Tổng Giám đốc
- Ông Nguyễn Đức Tài	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Phạm Trọng Bình	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Cao Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
- Ông Trần Đình Vũ	Phó Tổng Giám đốc

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN



Cao Hoài Thanh

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

Số: 582 /BCTC/TC/NV8

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2020

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 kèm theo của Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 11 tháng 08 năm 2020, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(tiếp theo)

**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 của Công ty CP Quản lý quỹ Đông Sen đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ và Báo cáo kiểm toán phát hành ngày 30/07/2019 và ngày 12/03/2020 với Kết luận và ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với các Báo cáo tài chính nêu trên.



**Nguyễn Bảo Trung**

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0373-2018-126-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**

Mẫu số B 01a-CTQ

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>20.795.398.441</b>	<b>24.120.624.403</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>7.471.815.499</b>	<b>172.038.782</b>
1. Tiền	111	V.1.	7.471.815.499	172.038.782
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.2.</b>	<b>10.690.314.467</b>	<b>17.885.979.946</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		11.690.314.467	20.864.689.946
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.000.000.000)	(2.978.710.000)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>849.438.359</b>	<b>3.554.353.223</b>
1. Phải thu khách hàng	131	VII.4.1	100.000.000	100.000.000
2. Trả trước cho người bán	132	VII.4.2	588.100.000	23.100.000
3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	152.342.571	2.729.755.455
4. Các khoản phải thu khác	135	V.4.	8.995.788	701.497.768
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.783.830.116</b>	<b>2.508.252.452</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VII.4.3	2.578.500	99.953.130
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315.092.582	315.092.582
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.4.4	1.466.159.034	2.093.206.740
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>1.414.281</b>	<b>136.472.453</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
- Nguyên giá	222		78.681.200	78.681.200
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.681.200)	(78.681.200)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		99.000.000	99.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(99.000.000)	(99.000.000)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.414.281</b>	<b>136.472.453</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.414.281	4.242.855
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	132.229.598
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>20.796.812.722</b>	<b>24.257.096.856</b>

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).



Mẫu số B 01a-CTQ

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
<b>A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>770.895.902</b>	<b>470.557.176</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>739.636.283</b>	<b>439.297.557</b>
1. Phải trả người bán	312	VII.4.5	165.000.000	150.000.000
2. Người mua trả tiền trước	313	VII.4.6	38.500.000	38.500.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	46.457.737	91.178.668
4. Phải trả người lao động	315		211.673.704	-
5. Chi phí phải trả	316	V.10.	1.420.000	12.355.781
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11.	242.711.581	40.601.975
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.194.294	10.194.294
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		23.678.967	96.466.839
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>31.259.619</b>	<b>31.259.619</b>
1. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		31.259.619	31.259.619
<b>B VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400=410+430)</b>	<b>400</b>		<b>20.025.916.820</b>	<b>23.786.539.680</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(4.974.083.180)	(1.213.460.320)
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>20.796.812.722</b>	<b>24.257.096.856</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

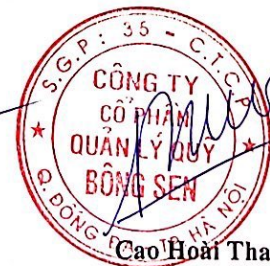
Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hương Giang

Nguyễn Thị Hương



Cao Hoài Thanh

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2020	01/01/2020
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, chứng chi có giá nhận giữ hộ	002		-	-
3. Tài sản nhận ký cược	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	V.12.	14.183.619.830	14.183.619.830
5. Ngoại tệ các loại	005		-	-
6. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006		8.282.090.000	23.897.080.000
Trong đó:				
6.1 Chứng khoán giao dịch	007		8.282.090.000	23.897.080.000
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	-
6.3 Chứng khoán cầm cố	009		-	-
6.4 Chứng khoán tạm giữ	010		-	-
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	011		-	-
6.6 Chứng khoán phong tỏa chờ rút	012		-	-
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	013		-	-
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	014		-	-
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	015		-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	V.13.	1.293.747.495	1.268.815.326
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031		482.907.715	343.950.203
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	032		810.839.780	924.865.123
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	V.14.	440.315.556.931	542.541.736.683
9.1 Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041		436.348.301.817	538.997.989.918
9.2 Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	042		3.967.255.114	3.543.746.765
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	V.15.	801.449.583	3.196.132.839
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	V.16.	158.150.684	59.554.766

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu



Nguyễn Hương Giang

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

Mẫu số B 02a - DN

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
1. Doanh thu	01	VI.1.	123.529.301	4.092.823.926
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		123.529.301	4.092.823.926
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2.	1.317.266.818	1.163.283.673
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		(1.193.737.517)	2.929.540.253
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	12.377.641	15.131.906.977
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	1.569.075.144	1.211.192.552
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4.7	913.810.840	910.141.918
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-25}	30		(3.664.245.860)	15.940.112.760
10. Thu nhập khác	31		-	-
11. Chi phí khác	32	VII.4.8	96.377.000	-
12. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		(96.377.000)	-
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(3.760.622.860)	15.940.112.760
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.5.	-	-
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(3.760.622.860)	15.940.112.760
17. Lãi trên cổ phiếu	70	VII.4.9	(1.504,25)	6.376,05

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

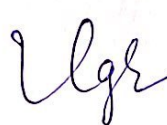
CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu



Nguyễn Hương Giang

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hương

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

Mẫu số B 03a - CTQ

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		16.768.575.784	35.917.196.500
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02		(8.871.765.763)	(32.418.674.744)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.164.369.399)	(1.108.899.037)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		-	(14.168.767)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		1.996.558.050	1.247.527.190
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(2.129.609.177)	(2.270.508.578)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>6.599.389.495</b>	<b>1.352.472.564</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		700.387.222	125.952.500
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>700.387.222</b>	<b>125.952.500</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.280.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(2.280.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>7.299.776.717</b>	<b>1.478.425.064</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		172.038.782	115.732.429
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	V.1.	7.471.815.499	1.594.157.493

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

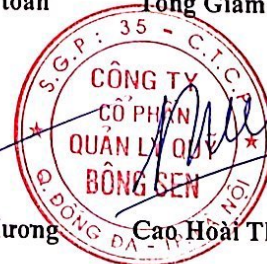
Tổng Giám đốc



Nguyễn Hương Giang



Nguyễn Thị Hương



Cao Hoài Thanh

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale  
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
		Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước	Kỳ này	Kỳ trước
1. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		25.000.000.000	25.000.000.000	-	-	25.000.000.000	25.000.000.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VI.12	(1.213.460.320)	(15.858.711.341)	(3.760.622.860)	15.940.112.760	(4.974.083.180)	81.401.419
<b>Cộng</b>		<b>23.786.539.680</b>	<b>9.141.288.659</b>	<b>(3.760.622.860)</b>	<b>15.940.112.760</b>	<b>20.025.916.820</b>	<b>25.081.401.419</b>

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Người lập biểu



Nguyễn Hương Giang

Phụ trách kế toán



Nguyễn Thị Hương

35 Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh

(Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ này).

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 35/UBCK-GP ngày 10/03/2009 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06 lần được cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh về những việc: bổ sung nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, thay đổi trụ sở văn phòng, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi tên tiếng anh của Công ty.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán cấp bổ sung ngày 06/07/2020 thì vốn điều lệ của Công ty là: **25.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam).

**2. Lĩnh vực hoạt động**

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

**4. Tổng số nhân viên**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 30 nhân viên đang làm việc (số đầu kỳ là 19 nhân viên).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 7 nhân viên (số đầu kỳ là 8 nhân viên).

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến 30/06/2020.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

### III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

#### 1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

### IV. Các chính sách kế toán áp dụng

#### 1. Công cụ tài chính

##### Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản trong đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

##### Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

#### 2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

##### Tiền gửi hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

##### Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoài bảng Cân đối kế toán.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

### 3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

#### Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- + Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0)
- + Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp giá bình quân.

#### Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục tiêu liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

### 4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

#### 5.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quản lý quỹ, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

#### Loại tài sản cố định

#### Thời gian khấu hao (năm)

-Thiết bị dụng cụ quản lý

03

#### 5.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quản lý quỹ, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí internet, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

### 7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

### 8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản chi phí trích trước tiền xăng xe, tiền điện và bảo hành máy tính.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

### 9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động của doanh nghiệp.

### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và

- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và chi phí lỗ từ hoạt động đầu tư tài chính.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ của Công ty bị thua lỗ nên không phát sinh chi phí thuế TNDN hiện hành.

**13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác****Các nghĩa vụ về thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty bị thua lỗ nên không phát sinh chi phí thuế TNDN hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán giữa niên độ****1. Tiền**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.743.011	8.523.960
Tiền gửi ngân hàng	7.468.072.488	163.514.822
<b>Cộng</b>	<b>7.471.815.499</b>	<b>172.038.782</b>

**CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN**

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D' Capitale  
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020

Mẫu số B 09a - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**

**Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn**

30/06/2020

01/01/2020

VND

VND

Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
828.209	10.690.314.467	10.932.650.850	-	2.389.708	19.864.689.946	18.760.116.400	(1.978.710.000)
828.200	10.690.313.830	10.932.240.000	-	460.000	6.533.370.000	5.382.000.000	(1.151.370.000)
-	-	-	-	429.700	9.653.979.309	10.527.650.000	-
-	-	-	-	1.500.000	3.677.340.000	2.850.000.000	(827.340.000)
9	637	410.850	-	8	637	466.400	-
50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)	50.000	1.000.000.000	-	(1.000.000.000)
<b>878.209</b>	<b>11.690.314.467</b>	<b>10.932.650.850</b>	<b>(1.000.000.000)</b>	<b>2.439.708</b>	<b>20.864.689.946</b>	<b>18.760.116.400</b>	<b>(2.978.710.000)</b>

(\*): Công ty CP Thiết bị tổng hợp máy văn phòng Sara đã ngừng hoạt động và đóng mã số thuế ngày 26/04/2013.

Mẫu số B 09a - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ	-	415.000.000
Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Phú Thọ	-	450.000.000
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	-	625.000.000
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	-	335.000.000
Các đối tượng khác	152.342.571	904.755.455
<b>Cộng</b>	<b>152.342.571</b>	<b>2.729.755.455</b>

**4. Các khoản phải thu khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>		
<i>Phải thu khác</i>	8.995.788	701.497.768
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	700.000.000
Dư nợ TK 3383	-	747.768
Phải thu khác	8.995.788	750.000
<b>Cộng</b>	<b>8.995.788</b>	<b>701.497.768</b>

**5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	315.092.582	315.092.582
<b>Cộng</b>	<b>315.092.582</b>	<b>315.092.582</b>

**6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	78.681.200	78.681.200
Số dư ngày 30/06/2020	78.681.200	78.681.200

Mẫu số B 09a - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Giá trị hao mòn lũy kế**

Số dư ngày 01/01/2020	78.681.200	78.681.200
Số dư ngày 30/06/2020	78.681.200	78.681.200

**Giá trị còn lại**

Số dư ngày 01/01/2020	-	-
Số dư ngày 30/06/2020	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 78.681.200 đồng.

**7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Chương trình phần mềm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	99.000.000	99.000.000
Số dư ngày 30/06/2020	99.000.000	99.000.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	99.000.000	99.000.000
Số dư ngày 30/06/2020	99.000.000	99.000.000
<b>Giá trị còn lại</b>		
Số dư ngày 01/01/2020	-	-
Số dư ngày 30/06/2020	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 99.000.000 đồng.

**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	30/06/2020 VND	01/01/2020 VND
Chi phí Internet	1.414.281	4.242.855
<b>Cộng</b>	<b>1.414.281</b>	<b>4.242.855</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	46.457.737	91.178.668
<b>Cộng</b>	<b>46.457.737</b>	<b>91.178.668</b>

**10. Chi phí phải trả**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Bảo trì máy tính và chi phí điện thoại tháng 6	1.420.000	-
Chi phí phải trả khác	-	12.355.781
<b>Cộng</b>	<b>1.420.000</b>	<b>12.355.781</b>

**11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	44.705.457	40.601.975
Các khoản phải trả, phải nộp khác	198.006.124	-
<i>Cao Hoài Thanh</i>	<i>198.006.124</i>	-
<b>Cộng</b>	<b>242.711.581</b>	<b>40.601.975</b>

**12. Nợ khó đòi đã xử lý**

Khoản đặt cọc môi giới mua trái phiếu với Công ty CP Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam với số tiền là 14.183.619.830 đồng, đã được Công ty xóa sổ kế toán theo Quyết định số 01/17/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2017 của Hội đồng quản trị do không có khả năng thu hồi. Khoản nợ được Công ty theo dõi ngoài bảng và tiếp tục nỗ lực để công nợ.

**13. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.268.815.326	983.894.836
Số tăng trong kỳ	127.106.718.189	11.890.725.019
Số giảm trong kỳ	(127.081.786.020)	(11.553.908.529)
Số dư cuối kỳ	1.293.747.495	1.320.711.326



Mẫu số B 09a - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<b>Nhà đầu tư ủy thác trong nước</b>	<b>43.033.229</b>	<b>436.348.301.817</b>	<b>52.853.860</b>	<b>538.997.989.918</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>1.433.229</i>	<i>20.348.301.817</i>	<i>1.753.860</i>	<i>27.997.989.918</i>
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	195.941	9.444.201.600	559.625	11.327.844.513
<i>HPG</i>	<i>31.667</i>	<i>1.058.810.846</i>	<i>31.667</i>	<i>1.058.810.846</i>
<i>PNJ</i>	<i>20.046</i>	<i>1.710.943.188</i>	<i>15.340</i>	<i>1.368.288.195</i>
<i>RAL</i>	<i>3.500</i>	<i>477.893.880</i>	<i>3.500</i>	<i>477.893.880</i>
<i>VPB</i>	<i>79.974</i>	<i>2.559.814.942</i>	<i>79.974</i>	<i>2.559.814.942</i>
<i>CVN</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>410.000</i>	<i>4.864.708.050</i>
<i>Các cổ phiếu khác</i>	<i>60.754</i>	<i>3.636.738.744</i>	<i>19.144</i>	<i>998.328.600</i>
Cổ phiếu niêm yết khác	1.237.288	10.904.100.217	1.194.235	16.670.145.405
<i>Cổ phiếu không niêm yết</i>	<i>41.600.000</i>	<i>416.000.000.000</i>	<i>51.100.000</i>	<i>511.000.000.000</i>
Công ty CP Sara Vũng Tàu	2.500.000	25.000.000.000	2.500.000	25.000.000.000
Công ty CP Thiết bị y tế Triết Tôn Tiên	-	-	2.800.000	28.000.000.000
Công ty CP Đầu tư bệnh viện Sara	21.800.000	218.000.000.000	21.800.000	218.000.000.000
Công ty CP Sara Phú Thọ	-	-	6.700.000	67.000.000.000
Công ty CP Đầu tư LOU	8.300.000	83.000.000.000	8.300.000	83.000.000.000
Công ty CP Kanpeki Nhật Bản	9.000.000	90.000.000.000	9.000.000	90.000.000.000
<b>Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài</b>	<b>196.687</b>	<b>3.967.255.114</b>	<b>175.457</b>	<b>3.543.746.765</b>
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>194.187</i>	<i>3.917.255.114</i>	<i>172.957</i>	<i>3.493.746.765</i>
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	32.970	1.555.814.221	16.180	991.411.168
<i>MPC</i>	<i>6.000</i>	<i>275.349.600</i>	<i>6.000</i>	<i>275.349.600</i>
<i>NCT</i>	<i>2.150</i>	<i>239.141.748</i>	<i>2.150</i>	<i>239.141.748</i>

Mẫu số B 09a - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

VGG	5.700	367.811.606	5.700	367.811.606
Các cổ phiếu khác	19.120	673.511.267	2.330	109.108.214
Cổ phiếu niêm yết khác	161.217	2.361.440.893	156.777	2.502.335.597
Cổ phiếu không niêm yết	2.500	50.000.000	2.500	50.000.000
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	2.500	50.000.000	2.500	50.000.000
<b>Cộng</b>	<b>43.229.916</b>	<b>440.315.556.931</b>	<b>53.029.317</b>	<b>542.541.736.683</b>

15. Các khoản phải thu của Nhà đầu tư ủy thác	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu tiền đã chuyển mua cổ phiếu	782.180.000	-
Phí Quản lý	17.027.717	2.651.466.839
Phải thu khác	2.241.866	544.666.000
<b>Cộng</b>	<b>801.449.583</b>	<b>3.196.132.839</b>

16. Các khoản phải trả của Nhà đầu tư ủy thác	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải trả phí lưu ký	158.150.684	59.554.766
<b>Cộng</b>	<b>158.150.684</b>	<b>59.554.766</b>

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ**

1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
<b>Doanh thu</b>		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu hoạt động quản lý danh mục đầu tư	123.529.301	72.823.926
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	4.020.000.000
<b>Cộng</b>	<b>123.529.301</b>	<b>4.092.823.926</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí hoạt động quản lý danh mục đầu tư	1.317.266.818	20.698.394
Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ	-	1.142.585.279
<b>Cộng</b>	<b>1.317.266.818</b>	<b>1.163.283.673</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	379.222	1.163.546
Lãi đầu tư tài chính	11.990.419	15.022.788.431
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.000	107.955.000
<b>Cộng</b>	<b>12.377.641</b>	<b>15.131.906.977</b>

**4. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lỗ bán chứng khoán	3.518.046.111	1.247.011.166
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(1.978.710.000)	(87.838.802)
Chi phí tài chính khác	29.739.033	52.020.188
<b>Cộng</b>	<b>1.569.075.144</b>	<b>1.211.192.552</b>

**5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.760.622.860)	15.940.112.760
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	120.377.000	36.000.000
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	-	(17.139.254.613)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.640.245.860)	(1.163.141.853)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**VII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020.

**2. Thông tin về các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**Danh sách các bên liên quan:**

**Bên liên quan**

**Mối quan hệ**

Ông Cao Hoài Thanh	Chủ tịch kiêm Tổng giám đốc
Ông Cao Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Công ty CP Đầu tư và Thương mại Năng lượng Việt Nam	Ông Cao Hoài Thanh là cổ đông
Công ty CP Vinam	Cổ đông lớn
Nguyễn Đức Tài	Phó Tổng Giám đốc

**Số dư với các bên liên quan:**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tạm ứng</b>	<b>181.147.812</b>	<b>1.958.606.740</b>
Cao Hoài Thanh	57.280.590	1.914.756.740
Cao Minh Thắng	110.367.222	43.850.000
Nguyễn Đức Tài	13.500.000	-
<b>Các khoản phải trả khác</b>	<b>198.006.124</b>	<b>-</b>
Cao Hoài Thanh	198.006.124	-

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Thu nhập và các khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt:**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lương thưởng, phụ cấp các thành viên chủ chốt	511.799.628	437.291.747
<b>Cộng</b>	<b>511.799.628</b>	<b>437.291.747</b>

**3. Công cụ tài chính**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

**Công nợ tài chính**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.471.815.499	172.038.782
Vốn chủ sở hữu	20.025.916.820	23.786.539.680

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.471.815.499	172.038.782
Các khoản đầu tư tài chính	10.690.314.467	17.885.979.946
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	261.338.359	3.531.253.223
<b>Cộng</b>	<b>18.423.468.325</b>	<b>21.589.271.951</b>

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)***Công nợ tài chính**

Phải trả người bán và phải trả khác	407.711.581	190.601.975
Chi phí phải trả	1.420.000	12.355.781
<b>Cộng</b>	<b>409.131.581</b>	<b>202.957.756</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Mẫu số B 09a - CTQ

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/06/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	407.711.581	-	407.711.581
Chi phí phải trả	1.420.000	-	1.420.000
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	190.601.975	-	190.601.975
Chi phí phải trả	12.355.781	-	12.355.781

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/06/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.471.815.499	-	7.471.815.499
Các khoản đầu tư tài chính	10.690.314.467	-	10.690.314.467
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	261.338.359	-	261.338.359
01/01/2020	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	172.038.782	-	172.038.782
Các khoản đầu tư tài chính	17.885.979.946	-	17.885.979.946

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	3.531.253.223	-	3.531.253.223
<b>4. Những thông tin khác</b>			
<b>4.1 Phải thu của khách hàng</b>			
	30/06/2020	01/01/2020	
	VND	VND	
Công ty CP OTC Việt Nam	100.000.000	100.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000</b>	<b>100.000.000</b>	
<b>4.2 Trả trước cho người bán</b>			
	30/06/2020	01/01/2020	
	VND	VND	
Công ty TNHH Nhà đẹp Châu Á	565.000.000	-	
Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển thương hiệu Việt Nam	23.100.000	23.100.000	
<b>Cộng</b>	<b>588.100.000</b>	<b>23.100.000</b>	
<b>4.3 Chi phí trả trước ngắn hạn</b>			
	30/06/2020	01/01/2020	
	VND	VND	
Chi phí thuê văn phòng	-	94.796.130	
Chi phí bảo trì phần mềm	2.578.500	5.157.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.578.500</b>	<b>99.953.130</b>	
<b>4.4 Tài sản ngắn hạn khác</b>			
	30/06/2020	01/01/2020	
	VND	VND	
<b>Tạm ứng</b>	<b>243.350.812</b>	<b>1.958.606.740</b>	
Cao Hoài Thanh	57.280.590	1.914.756.740	
Cao Minh Thắng	110.367.222	43.850.000	
Nguyễn Đức Tài	13.500.000	-	
Các đối tượng khác	62.203.000	-	
<b>Cầm cố ký quỹ, ký cược</b>	<b>1.222.808.222</b>	<b>134.600.000</b>	
Công ty TNHH Thương mại và DV ATS Risewin Việt Nam	1.188.208.222	100.000.000	
Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền	33.000.000	33.000.000	
Các đối tượng khác	1.600.000	1.600.000	
<b>Cộng</b>	<b>1.466.159.034</b>	<b>2.093.206.740</b>	



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

**4.5 Phải trả người bán**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Tập đoàn Trường Tiền	165.000.000	132.000.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại và Năng lượng Việt Nam	-	18.000.000
<b>Cộng</b>	<b>165.000.000</b>	<b>150.000.000</b>

**4.6 Người mua trả tiền trước**

	30/06/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng sản xuất và Thương mại Đại Sàn	38.500.000	38.500.000
<b>Cộng</b>	<b>38.500.000</b>	<b>38.500.000</b>

**4.7 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	371.128.681	386.195.386
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	91.783.600	12.862.900
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	377.741.769	471.683.305
Chi phí khác bằng tiền	70.156.790	36.400.327
<b>Cộng</b>	<b>913.810.840</b>	<b>910.141.918</b>

**4.8 Chi phí khác**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí khác	96.377.000	-
<b>Cộng</b>	<b>96.377.000</b>	<b>-</b>

**4.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Từ 01/01/2020 đến 30/06/2020	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.760.622.860)	15.940.112.760

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo)

Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(3.760.622.860)	15.940.112.750
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(1.504,25)	6.376,05

**5. Thông tin so sánh**

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 do Công ty lập, đã được soát xét và kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C.

Hà Nội, ngày 11 tháng 08 năm 2020

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu

Phụ trách kế toán

Tổng Giám đốc





Nguyễn Hương Giang

Nguyễn Thị Hương

Cao Hoài Thanh



## CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

---

### Trụ sở chính

Tầng 14 Tòa nhà SUDICO, đường Mỹ Đình  
P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội  
Tel: (+84 24) 3868 9566 / (+84 24) 3868 9588  
Fax: (+84 24) 3868 6248

### Chi nhánh Quảng Ninh

Tổ 4, Khu 4, P. Giếng Đáy,  
TP Hạ Long, Quảng Ninh  
Tel: (+84 203) 382 2030  
Fax: (+84 203) 382 2030

### Văn phòng đại diện KV miền Trung

Số 23 Mai Hắc Đế, TP Vinh, Nghệ An  
Tel: (+84 238) 354 1046  
Fax: (+84 238) 354 1046  
Website: [kiemtoanava.com.vn](http://kiemtoanava.com.vn)